

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HS-PT
Ngày: 05-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoài

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Hồng

Ông Đỗ Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 48/TLPT-HS ngày 14/3/2022 đối với bị cáo Lê Thị Ngọc H, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị cáo kháng cáo:

Lê Thị Ngọc H; sinh năm 1951 tại Thành phố Hồ Chí Minh; HKTT và cư trú: Số nhà 356, đường Đoàn Thị Điểm, thôn Tân Bình 2, xã LT, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ văn hóa: Lớp 02/10; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; con ông Lê Huy P (đã chết) và bà Trần Thị Đ (đã chết); chồng Phạm Văn L, sinh năm 1949 (chưa đăng ký kết hôn) và có 03 người con; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại tại thôn Tân Bình 2, xã LT, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Nguyễn Ngọc L - Văn phòng luật sư C, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Thị Thúy P - Văn phòng luật sư Trần Thị H3 V, Đoàn Luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- Bị hại: Ông Phạm Từ H1, sinh năm 1970; nơi cư trú: Số nhà 428, đường Nguyễn Văn Cừ, phường LP, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Phạm Xuân Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn Thanh Bình, xã LĐ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn Đức Thanh, xã LĐ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt. Có mặt.

3. Bà Cao Thị H, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn Thanh Bình, xã LĐ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn Thanh Bình, xã LĐ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Văn H3, sinh năm 1969; nơi cư trú: Tổ 3, Phường Lộc Tiên, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số nhà 59/19, đường Phan Ngọc Hiền, Tổ 3, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Viết N, sinh năm 1973; nơi cư trú: Số nhà 54/3 đường Phan Ngọc Hiền, Tổ 3, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1990; nơi ĐKKHKT: Ấp 2A, xã N, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

5. Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn Tân An, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

6. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1962; nơi cư trú: Số nhà 294, đường Đoàn Thị Điểm, xã LT, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 01 năm 2018, vợ chồng ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn Thanh Bình, xã LĐ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nhờ bà Cao Thị H, là người cùng thôn, mua ký gửi 04 tấn cà phê nhân tại đại lý cà phê chờ chốt giá bán lấy lãi thì được bà H đồng ý. Bà H đã gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thị Tuyết M, trú tại thôn Đức Thông, xã LĐ, huyện B, tỉnh Lâm Đồng là chủ đại lý thu mua cà phê Mai Phú Lâm để đặt mua của bà M 07 tấn cà phê nhân với giá 37.000.000đ/ 01 tấn. Trong số 07 tấn cà phê bà H đặt mua thì có 04 tấn cà phê bà T, ông Q nhờ bà H đặt mua, còn lại 03 tấn là của bà H. Bà T giao số tiền

148.000.000đ cho bà H, sau đó bà H đến nhà gặp bà M giao cho bà M số tiền 259.000.000đ tương ứng với giá trị 07 tấn cà phê mà bà H đặt mua của bà M. Việc thỏa thuận đặt mua ký gửi 07 tấn cà phê là giao dịch giữa bà H và bà M. Bà M không có thỏa thuận mua bán, giao dịch với bà T và ông Q. Đến ngày 10/3/2018, bà T nói bà H bán 04 tấn phê nhân mà bà T nhờ bà H mua ký gửi trước đó nên bà H điện thoại cho bà M để bán 04 tấn cà phê trong tổng số 07 tấn cà phê đã mua ký gửi từ bà M thì bà M đồng ý mua với giá 37.200.000đ/ 01 tấn. Nhưng do chưa có tiền mặt nên bà M hẹn bà H vài ngày sau sẽ thông toán tiền nên được bà H đồng ý. Đến ngày 14/3/2018, bà H gọi điện thoại hỏi tiền bán 04 tấn cà phê thì bà M hẹn bà H chờ lấy được tiền từ N hàng sẽ thông toán cho bà H và được bà H đồng ý, đồng thời bà H nói lại cho bà T biết việc chưa lấy được tiền bán cà phê. Khoảng 08 giờ ngày 15/3/2018, ông Phạm Xuân Q đến nhà mẹ ruột là Lê Thị Ngọc H, trú tại số 356 đường Đoàn Thị Điểm, thôn Tân Bình xã LT, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng nói cho bà H biết việc ký gửi, mua bán 04 tấn cà phê giữa vợ chồng ông Q, bà T và bà Cao Thị H nhưng chưa lấy được tiền của Đại lý cà phê M Phú Lâm do bà Nguyễn Thị Tuyết M làm chủ. Lê Thị Ngọc H cho rằng bà Nguyễn Thị Tuyết M cố tình không trả tiền cho vợ chồng ông Q nên H nói với ông Q để H lấy tiền cho Q. Lê Thị Ngọc H gọi điện cho bà M để bán 05 tấn cà phê nhưng yêu cầu bà M đưa tiền mua cà phê trước khi cân, sau đó H chỉ giao cho bà M số lượng cà phê 01 tấn của mình, số lượng 04 tấn cà phê còn lại H sẽ cân trừ số tiền của ông Q nhờ bà H mua ký gửi 04 tấn cà phê nhân tại đại lý M Phú Lâm do bà M làm chủ. Thực hiện ý định, H gọi điện thoại cho bà M nói cần bán 05 tấn cà phê nhân với điều kiện phải mang tiền đến đưa cho H trước khi cân cà phê. Khi bà M chưa đến mua cà phê của H thì H đã trực tiếp đi đến nhà bà M, H tiếp tục nói với bà M muốn bán 05 tấn cà phê với giá 37.000.000đ/ 01 tấn nhưng phải đưa tiền trước khi cân cà phê, nghe vậy bà M đồng ý. Lúc này, do không có tiền để mua cà phê của H nên bà M đã gọi điện thoại cho ông Phạm Từ H1, trú tại số 428 đường Nguyễn Văn Cừ, phường LP, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (là chủ Đại lý cà phê Loan H1) đến mua cà phê của H. Khoảng 10 giờ ngày 15/3/2018, bà M đến nhà ông H1 sau đó ông H1 mang theo số tiền 150.000.000đ và điều khiển xe ô tô tải biển kiểm soát 49X-8997 chở bà M và 05 người bốc xếp cà phê gồm: Ông Huỳnh Văn H3; ông Huỳnh Văn C; ông Nguyễn Viết N; ông Nguyễn Thông T1 và ông Nguyễn Tuấn A đi đến nhà H để mua và chở cà phê. Khi đi đến nhà H, ông H1 điều xe ô tô lùi vào sân nhà H. Tại đây H nói bà M phải đưa tiền trước cho H thì H mới cho cân cà phê, ông H1 thấy H yêu cầu đưa tiền trước mới cho cân cà phê nên nghi ngờ không đồng ý giao tiền cho H. Tuy nhiên, khi được bà M nói rằng H làm ăn uy tín nên ông H1 đồng ý giao tiền cho H trước khi cân cà phê. Ông H1 đang ngồi trên ca bin xe ô tô, tại vị trí ghế tài xế, thì bà M và H đi đến cửa xe ô tô bên phụ. Ông H1 cầm bịch ni lông chứa số tiền 150.000.000đ với qua bên cửa phụ của xe ô tô để đưa cho bà M, bà M cầm bịch ni lông đựng tiền đưa cho H. Ngay lúc này ông H1 xuống xe ô tô đến nói với H: “*Đây là tiền*

của cháu, cô đếm đi, cháu đưa đủ một trăm năm mươi triệu đồng đây”, nhưng H chỉ mở bọc ni lông ra xem mà không đếm số lượng tiền cụ thể. H đưa bọc tiền cho Phạm Xuân Q đang đứng phía sau H đếm tiền. Q mở bọc ni lông đếm tiền theo từng xấp thấy đủ 150.000.000đ nên cầm bọc tiền bỏ vào cốp xe mô tô biển số 49H1-148.29 của Q. Thấy Q đã cầm tiền, H nói với M *“Trong nhà tôi chỉ có 01 tấn cà phê, tôi bán 01 tấn còn 04 tấn, thì đến nhà mẹ vợ thằng Q”* (tức nhà bà Bùi Thị N). Ngay sau đó, Q điều khiển xe mô tô đi đến nhà mẹ vợ của mình là bà Bùi Thị N, trú tại thôn Tân Bình 2, xã LT, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng cách nhà H khoảng 01km đưa số tiền 150.000.000đ cho bà N. Q nhờ bà N mang số tiền này đến trả nợ tiền mua phân bón cà phê cho ông Nguyễn Hoàng P, trú tại số nhà 233-235 đường Đoàn Thị Điểm, thôn Tân Bình 2, xã Lộc TH, thành phố B. Nghe H nói như vậy, ông H1 điều khiển xe ô tô chở bà M và 05 công nhân bốc xếp đi theo Q. Khi đi đến trước cổng nhà bà N, ông H1 và bà M gặp bà N và nghe bà N nói không bán cà phê, ngay khi đó Q nói *“bây giờ không bán cà phê nữa”*. Ông H1 nói với Q *“Nếu không bán cà phê thì trả lại cho tôi số tiền 150.000.000đ”* nhưng Q không trả mà nói với ông H1: *“Tôi không làm ăn gì với ông mà chỉ làm ăn với bà M;”,* đồng thời Q nói với M: *“Cà phê tôi gửi cô 04 tấn rồi, còn 01 tấn, cô về nhà mẹ tôi mà cân là đủ 05 tấn”*. Lúc này, ông H1 và bà M nói cho Q biết đây là tiền của H1, chứ không phải của M, nhưng Q không trả lại số tiền 150.000.000đ cho ông H1. Ông H1 đi đến vị trí xe mô tô của Q, mở cốp xe để lấy lại tiền của mình nhưng không thấy nên ông H1 và bà M cùng các công nhân bốc xếp quay lại nhà H, yêu cầu H cân đủ 05 tấn cà phê nhân như đã thỏa thuận bán cho ông H1 hoặc trả lại số tiền 150.000.000đ đã nhận của ông H1 nhưng H không trả nên giữa hai bên xảy ra cãi vã. Bà Nguyễn Thị Tuyết M gọi bà Cao Thị H đi đến nhà H. Tại nhà H, bà H nói cho bà M và mọi người biết số lượng 04 tấn cà phê trong tổng số 07 tấn cà phê nhân mà bà H mua ký gửi tại đại lý M Phú Lâm là của vợ chồng bà T, ông Q nhờ bà H mua giúp. Lúc này, bà M đồng ý viết một tờ giấy khát nợ với nội dung bà M nhận nợ bà H số cà phê chót giá 04 tấn với giá 37.200.000đ, tổng số tiền là 148.800.000đ, bà M đồng ý nhận trả số tiền này cho vợ chồng bà T, ông Q trong vòng 10 ngày để bà H trả lại số tiền 150.000.000đ cho ông H1. Nhưng sau khi bà M viết giấy khát nợ thì Q giữ giấy này nhưng bà H không trả lại tiền cho ông H1. Nhận thấy bà H có hành vi lừa bán 05 tấn cà phê để chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ của mình nên ông H1 đã gọi điện báo Cơ quan Công an đến giải quyết. Vào 14 giờ 47 phút, Công an xã LT, thành phố B đến nhà bà H lập biên bản ghi nhận nội dung vụ việc. Đến 16 giờ 30 phút cùng ngày, ông Phạm Từ H1 đã đến Cơ quan Công an xã LT, thành phố B tố giác Lê Thị Ngọc H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 150.000.000đ của ông H1.

Về tang vật: Đối với số tiền 150.000.000đ H chiếm đoạt của ông H1 sau đó đưa cho Q, Q đưa cho bà N trả nợ tiền phân bón cho ông Nguyễn Hoàng P. Ông P đã sử dụng số tiền này mua bán hàng hóa kinh doanh nên không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Từ H1 yêu cầu Lê Thị Ngọc H bồi thường số tiền 150.000.000đ, đến nay bị cáo H chưa bồi thường.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc H 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Tại Bản án phúc thẩm số 65/2020/HS-PT Ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xử: Tuyên hủy bản án hình sự sơ thẩm số 41/2019/HS-ST ngày 06/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố B, giao hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân thành phố B điều tra lại theo quy định pháp luật.

Ngày 10/8/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B ra Quyết định trả hồ sơ số 01/QĐ-VKSBL Quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra lại. Tiến hành điều tra lại, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tiến hành thực nghiệm điều tra diễn biến sự việc ông H1 đưa số tiền 150.000.000đ mua cà phê của bị cáo H cho bà M để bà M đưa cho H tại sân nhà H, có sự tham gia của bị cáo Lê Thị Ngọc H, ông Phạm Xuân Q, ông Phạm Từ H1, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Nguyễn Tuấn A và người chứng kiến là bà Nguyễn Thị L; tiến hành thực nghiệm điều tra sự việc ông Q không cân cà phê, không trả lại số tiền 150.000.000đ cho ông H1 khi ông H1 yêu cầu ông Q trả lại tiền tại khu vực cổng nhà bà N có sự tham gia của Phạm Từ H1, Phạm Xuân Q, Nguyễn Thị Tuyết M, Bùi Thị N và người chứng kiến là bà Nguyễn Thị Lý; tiến hành hỏi cung Lê Thị Ngọc H; lấy lời khai của ông Phạm Từ H1, bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Phạm Xuân Q, bà Nguyễn Thị T, bà Bùi Thị N, bà Cao Thị H, ông Nguyễn Hoàng Phúc, ông Nguyễn Tuấn A, ông Nguyễn Thông T1, ông Hoàng Văn C, ông Nguyễn Văn N; tiến hành đối chất giữa ông Phạm Từ H1 và Phạm Xuân Q, giữa ông Phạm Xuân Q và bà Nguyễn Thị Tuyết M, giữa Lê Thị Ngọc H và bà Nguyễn Thị Tuyết M, giữa Lê Thị Ngọc H và ông Phạm Từ H1, xác định được như sau:

Tại thời điểm bà H chốt giá bán 04 tấn cà phê nhân với giá 37.200.000đ/01 tấn cho bà M là vào ngày 10/3/2018 nhưng bà M hẹn bà H sẽ thông toán tiền sau vài ngày thì bà H đồng ý. Đến ngày 14/3/2018, bà H gọi điện cho bà M hỏi lấy tiền bán 04 tấn cà phê thì bà M hẹn bà H chờ bà M lấy được tiền từ N hàng sẽ trả cho bà H nên được bà H đồng ý.

Khi ông H1 điều khiển xe ô tô lùi vào sân nhà bị cáo H. Ông H1 ngồi trong cabin xe ô tô, những người bốc vác đã xuống xe, bà M, bà H đứng bên cánh cửa bên phải của đầu xe ô tô, ông Q đứng trong hiên nhà bị cáo H, ông Tuấn A ngồi trên thùng xe ô tô, ông H3 đứng bên hông phải thùng xe ô tô, các ông N, C, T1

đứng phía sau đuôi xe ô tô. Thời điểm ông H1 cầm túi ni lông đựng 150.000.000đ đưa cho bà M cầm thì bà M đưa tiền cho bị cáo H. Khi bị cáo H cầm tiền thì ông H1 bước xuống xe ô tô nói với H: Đây là tiền của cháu, cô đếm đi, cháu đưa đủ 150.000.000đ đấy.

Sau khi nhận số tiền 150.000.000đ từ bị cáo H thì ông Q đưa số tiền này cho bà N nhưng không cân 04 tấn cà phê nhân bán cho ông H1. Mặc dù ông Q được ông H1, bà M nói rõ số tiền 150.000.000đ mà ông H1 đưa cho bị cáo H là tiền của ông H1 mua cà phê của bà H nhưng Q vẫn không trả lại số tiền này cho ông H1. Phạm Xuân Q nói với ông H1, bà M “*bây giờ không bán cà phê nữa*” nhằm mục đích lấy số tiền 150.000.000đ mà bà H chiếm đoạt của ông H1 để cản trừ số tiền bà M thiếu nợ 04 tấn cà phê nhân của bà H (là cà phê mà vợ chồng Q nhờ bà H bán cho bà M).

Tại cổng nhà bà N, khi biết bị bà H lừa bán cà phê để chiếm đoạt tiền của mình nên ông H1 đã đi đến vị trí ông Q dùng tay sờ nắn túi quần của Q, mở cốp xe mô tô của Q để lấy lại tiền nhưng do Q đã đưa số tiền 150.000.000đ cho bà N đi trả nợ nên ông H1 không lấy lại được số tiền bị chiếm đoạt.

Cáo trạng số 95/CT-VKSBL ngày 11 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã truy tố bị cáo Lê Thị Ngọc H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HSST ngày 10/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm o khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Ngày 21/01/2022 bị cáo Lê Thị Ngọc H kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Nguyễn Thị Thúy P trình bày: Quá trình điều tra bị cáo không biết bà M nợ vợ, chồng Q, T, bị cáo H đang xây nhà nên cần tiền mới bán cà phê và có cà phê cần bán nhưng bà M không chịu cân cà phê; Cơ quan điều tra không điều tra xác minh vấn đề này. Ông H1 không đưa tiền cho bà M, bà M và ông H1 cũng không nói là ông H1 mua cà phê của bị cáo

H. Bị cáo H không gian dối để chiếm đoạt tiền của ông H1. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Người bào chữa cho bị cáo, Luật sư Nguyễn Ngọc L trình bày: Quá trình điều tra và tại các phiên tòa lời khai của bị hại có mâu thuẫn với nhau. Bị cáo H không bán cà phê cho ông H1 mà bán cho bà M nên ông H1 không phải là bị hại trong vụ án này, vì vậy đây là giao dịch dân sự, không phải hình sự. Bị cáo H có hơn 1 tấn cà phê ở nhà và gửi hơn 4 tấn cà phê ở nhà bà N nên không có ý định lừa đảo ông H1. Ông H1 mua 5 tấn cà phê nhưng sử dụng xe 1,4 tấn là không phù hợp. Lời khai của các người làm chứng cũng không phù hợp, không khách quan vì họ là những người làm công cho bị hại. Tại hiện trường không có anh T1 nhưng thực nghiệm lại hiện trường thì có anh T1. Bản án sơ thẩm mang nặng tính chủ quan, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo H không tranh luận và cho rằng mình bị oan.

Bị hại H1 tranh luận cho rằng cả hai mẹ con bị cáo H và ông Q đều đồng phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông. Ông đã đưa tiền cho bị cáo H nhưng bị cáo H không cân cà phê, cũng không chịu trả lại tiền cho ông. Quá trình điều tra, xét xử bị cáo cố tình kéo dài vụ án hơn 5 năm chưa giải quyết xong. Đề nghị Hội đồng xét xử đúng người, đúng tội.

Bà M trình bày bị cáo H là bà M hay lừa ông H1 cũng là phạm tội vì bị cáo H lấy tiền mà không chịu cân cà phê.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vợ chồng Q, T không đồng ý với lời trình bày của bà M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và xét xử sơ thẩm cùng lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận: Lê Thị Ngọc H đã thực hiện hành vi gian dối, bằng việc đưa ra thông tin không đúng sự thật, lừa bán 05 tấn cà phê nhân, cho bà Nguyễn Thị Tuyết M. Nhưng sau khi nhận được tiền từ bà M thì bị cáo không bán cà phê nữa (bị cáo cho rằng số tiền trên là tiền của bà M), để cản trở nợ cho con của bị cáo là ông Phạm Xuân Q. Sau khi biết số tiền trên là của ông Phạm Từ H1, chứ không phải là tiền của bà M và bà M đã viết giấy nhận nợ với vợ chồng Q, T nhưng bị cáo không trả lại số tiền 150.000.000đ cho ông Phạm Từ H1. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, kết quả thực nghiệm điều tra, biên bản đối chất có đủ căn cứ kết luận cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc H đã phạm

vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H và người bào chữa cho bị cáo cho rằng bị cáo H không phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là không có căn cứ, bởi lẽ: Xuất phát từ việc nghe ông Q nói chưa lấy được tiền bán cà phê từ bà M, bị cáo nảy sinh ý định đưa ra thông tin cho bà M để bán 05 tấn cà phê nhân, khô, yêu cầu bà M đưa tiền trước rồi cân cà phê sau, mục đích là để cản trở khoản tiền bị cáo cho rằng bà M nợ vợ chồng ông Q, T. Bị cáo đi tới nhà bà M để thỏa thuận mua bán cà phê nhằm mục đích để bà M tin tưởng. Sau khi nhận được số tiền từ ông H1 đưa thông qua bà M, ông H1 đã nói là tiền của ông H1, bị cáo đã nhận tiền nhưng không cân cà phê như thỏa thuận. Thực tế vợ chồng ông Q, T mua bán cà phê với bà H, không giao dịch với bà M. Hơn nữa khi bà H đến để thông tin cho mọi người biết là vợ chồng Q, T có 04 tấn cà phê đang ký gửi tại đại lý nhà bà M, bà M đã viết giấy nhận nợ với vợ chồng ông Q và hẹn ngày trả để bị cáo trả lại tiền cho ông H1 nhưng bị cáo vẫn không trả số tiền 150.000.000đ cho ông H1. Quá trình điều tra bị cáo nhận tội và lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và những người làm chứng, chứng kiến việc ông H1 đưa tiền cho bà M, bà M đưa tiền cho bị cáo, do đó hành vi của bị cáo là không oan.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần xử lý nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ là người có nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, tính đến thời điểm xét xử bị cáo đã trên 70 tuổi nên được áp dụng điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo mức án 02 năm 06 tháng tù là đúng pháp luật, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Ông Phạm Xuân Q đã có hành vi cầm số tiền do bị cáo H chiếm đoạt của ông H1, sau đó đưa cho bà N mang đi trả nợ. Tuy nhiên ông Q không bàn bạc gì với bị cáo H, không biết bị cáo H dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của ông H1 nên không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Phạm Xuân Q.

Đối với hành vi của bà Bùi Thị N, ông Nguyễn Hoàng P là những người nhận tiền, sử dụng tiền do ông Q đưa sau khi bị cáo H chiếm đoạt của ông H1. Tuy nhiên tại thời điểm nhận tiền bà N, ông P không biết đó là số tiền do bị cáo H phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm đối với bà N, ông P.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Ngọc H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Ngọc H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm o khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Lê Thị Ngọc H có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Phạm Tử H1 số tiền 150.000.000đ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Ngọc H phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Vụ GDKT I – TANDTC (01);
- Phòng KTNV&THA (02);
- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng PV06- CA tỉnh Lâm Đồng (01);
- TAND thành phố B (04);
- VKSND thành phố B (01);
- Cơ quan CSĐT CA thành phố B (01);
- Cơ quan THAHS CA thành phố B (01);
- Bị cáo (02); Bị hại (01);
- Người bào chữa (02);
- Người liên quan (04);
- Hồ sơ THAHS (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Hoài

- Lưu hồ sơ; Ấn văn.